

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/MÔ ĐUN

Lớp: **TXD21B** Năm học: **21-22**
Mã môn học/ Mô đun: **MH01074** Học kỳ: **02**
Tên môn học/ Mô đun: **Giáo dục thể chất**
Số tín chỉ: **1**

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1				Hệ số 2				ThiL1	ThiL2	ĐMH/ MD
1	21BTXD0301	Nguyễn Hoàng An	16/06/2005				8	9	9			9.0		8.9
2	21BTXD0302	Bùi Hoài Bảo	14/04/2006				9	8	8			9.0		8.7
3	21BTXD0304	Trần Gia Bảo	22/10/2006				7	7	6			6.0		6.2
4	21BTXD0305	Nguyễn Ngọc Chính	03/12/2006				7	7	6			6.0		6.2
5	21BTXD0306	Phan Hải Đăng	17/04/2006				9	8	8			6.0		6.9
6	21BTXD0307	Lê Khánh Duy	16/09/2006				6	6	6			9.0		7.8
7	21BTXD0308	Cao Trung Hiếu	07/04/2006				6	6	6			6.0		6.0
8	21BTXD0309	Võ Phước Qui Hoàng	11/06/2005				0	0	0			0.0	0.0	0.0
9	21BTXD0310	Lâm Bảo Hy	11/01/2006				7	8	8			8.0		7.9
10	21BTXD0311	Nguyễn Tuấn Kha	13/09/2006				7	8	8			8.0		7.9
11	21BTXD0313	Nguyễn Chương Chí Khanh	12/11/2006				8	6	7			7.0		6.9
12	21BTXD0314	Nguyễn Quốc Kiệt	15/04/2006				6	6	6			9.0		7.8
13	21BTXD0315	Nguyễn Tuấn Kiệt	22/05/2005				6	9	8			6.0		6.8
14	21BTXD0316	Phan Nguyễn Thành Lễ	01/05/2006				0	0	0			0.0	0.0	0.0
15	21BTXD0318	Trần Lê Phúc Lộc	06/07/2006				6	6	6			6.0		6.0
16	21BTXD0319	Phạm Tài Lợi	03/01/2006				7	9	8			6.0		6.9
17	21BTXD0320	Phạm Hải Nam	08/09/2006				7	8	9			7.0		7.5
18	21BTXD0322	Nguyễn Triệu Phú	27/11/2005				6	6	6			8.0		7.2
19	21BTXD0323	Trần Lê Quang Phúc	06/12/2006				6	6	6			6.0		6.0
20	21BTXD0324	Nguyễn Vũ Phương	07/04/2006				9	8	8			7.0		7.5
21	21BTXD0325	Phan Nguyễn Vinh Quang	08/08/2006				9	8	8			8.0		8.1
22	21BTXD0326	Nguyễn Văn Quý	07/03/2006				6	8	8			8.0		7.8
23	21BTXD0327	Phạm Phú Toàn	16/08/2005				0	0	0			0.0	0.0	0.0
24	21BTXD0328	Nguyễn Thanh Tú	21/09/2006				6	6	6			6.0		6.0
25	21BTXD0329	Huỳnh Văn Vĩ	28/02/2005				9	6	6			6.0		6.2
26	21BTXD0330	Nguyễn Văn Vũ	01/01/2005				6	6	6			8.0		7.2

Châu Đốc, ngày 24 tháng 6 năm 2022

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Trần Văn Thái